

QUYẾT ĐỊNH

V/v cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 21 tháng 06 năm 2016 quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Căn cứ nội dung biên bản họp ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng xét kết quả kỳ thi cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 25 tháng 5 năm 2019;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng xét kết quả kỳ thi cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 132 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đợt thi ngày 25 tháng 5 năm 2019.

(Có danh sách thí sinh đạt yêu cầu kèm theo)

Điều 2. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- CT HĐT (b/c);
- Như điều 2 (t/h);
- Lưu: VT, ĐT, NNTH.



PGS.TS. Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo QĐ số 460/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 03 tháng 6 năm 2019 của

Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT01	Bùi Thị Kiều	Anh	20/12/1998	Lạng Giang - Bắc Giang	7.2	5.0	Đạt	
2	CNTT04	Nguyễn Thế	Anh	30/6/1995	TP. Lạng Sơn - Lạng Sơn	7.2	7.0	Đạt	
3	CNTT05	Nguyễn Văn Việt	Anh	04/6/1996	Thọ Xuân - Thanh Hóa	7.7	6.0	Đạt	
4	CNTT07	Vũ Thị Ngọc	Anh	05/10/1998	Lạng Giang - Bắc Giang	5.5	9.0	Đạt	
5	CNTT08	Vũ Tú	Anh	15/7/1997	Lương Tài - Bắc Ninh	5.5	5.0	Đạt	
6	CNTT10	Nguyễn Văn	Cảnh	02/3/1995	Quê Võ - Bắc Ninh	7.0	5.0	Đạt	
7	CNTT11	Hoàng Minh	Chiến	03/3/1997	Lương Sơn - Hòa Bình	5.7	8.5	Đạt	
8	CNTT12	Nguyễn Văn	Chinh	12/9/1997	Yên Dũng - Bắc Giang	6.2	5.0	Đạt	
9	CNTT13	Dương Thành	Công	10/12/1997	Tân Yên - Bắc Giang	6.5	5.5	Đạt	
10	CNTT14	Trần Thị Kim	Cúc	15/12/1999	Quê Võ - Bắc Ninh	6.7	8.5	Đạt	
11	CNTT15	Vũ Hải	Cường	29/8/1993	Bình Giang - Hải Dương	5.0	5.0	Đạt	
12	CNTT16	Hoàng Thị Thùy	Dung	30/11/1996	TP. Thái Bình - Thái Bình	5.5	5.0	Đạt	
13	CNTT17	Hà Duyên	Duy	28/9/1999	Cầu Giấy - Hà Nội	8.0	7.5	Đạt	
14	CNTT18	Thân Thị Thùy	Dương	12/12/1998	Tân Yên - Bắc Giang	6.5	8.5	Đạt	
15	CNTT19	Trần Quang	Đạo	03/7/1999	Sơn Động - Bắc Giang	5.0	6.0	Đạt	
16	CNTT20	Ngô Văn	Đạt	14/4/1997	Tiên Du - Bắc Ninh	6.2	5.0	Đạt	
17	CNTT21	Nguyễn Văn Bắc	Đầu	22/5/1998	Phong Điền - Thừa Thiên Huế	7.7	6.0	Đạt	
18	CNTT22	Tạ Văn	Điều	29/10/1998	Việt Yên - Bắc Giang	6.0	6.5	Đạt	



TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
19	CNTT23	Dương Văn	Đoàn	10/11/1998	Nho Quan - Ninh Bình	7.7	7.0	Đạt	
20	CNTT27	Trần Thị	Giang	26/02/1999	Tân Yên - Bắc Giang	7.2	5.0	Đạt	
21	CNTT29	Nguyễn Văn	Hải	29/8/1997	Bắc Quang - Hà Giang	5.2	8.0	Đạt	
22	CNTT30	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/05/1994	Tân Yên - Bắc Giang	5.2	8.0	Đạt	
23	CNTT31	Đinh Duy	Hiệp	13/7/1997	Tam Điệp - Ninh Bình	7.5	6.5	Đạt	
24	CNTT32	Nguyễn Xuân	Hiệp	20/11/1998	Yên Dũng - Bắc Giang	6.2	5.5	Đạt	
25	CNTT33	Nguyễn Xuân	Hiếu	13/11/1999	Tân Yên - Bắc Giang	7.7	7.5	Đạt	
26	CNTT34	Đỗ Mạnh	Hiếu	26/6/1996	Đan Phượng - Hà Nội	7.7	6.5	Đạt	
27	CNTT35	Nguyễn Trung	Hiếu	28/02/1998	Bình Lục - Hà Nam	6.5	6.0	Đạt	
28	CNTT36	Nguyễn Văn	Hiếu	23/7/1997	TP. Hạ Long - Quảng Ninh	5.5	5.0	Đạt	
29	CNTT37	Hoàng Văn	Hiệu	03/8/1993	Việt Yên - Bắc Giang	6.7	5.5	Đạt	
30	CNTT39	Bùi Huy	Hoàng	28/10/1997	Chí Linh - Hải Dương	5.7	5.0	Đạt	
31	CNTT40	Dương Ngô	Hoàng	07/9/1998	Việt Yên - Bắc Giang	9.0	7.5	Đạt	
32	CNTT41	Dương Văn	Hoàng	23/4/1997	Vĩnh Bảo - Hải Phòng	5.7	5.0	Đạt	
33	CNTT42	Đỗ Minh	Hoàng	12/11/1996	Hiệp Hòa - Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
34	CNTT43	Lương Tiên	Hoàng	08/9/1996	Yên Dũng - Bắc Giang	5.0	5.0	Đạt	
35	CNTT44	Hoàng Văn	Hùng	26/9/1998	Phú Bình - Thái Nguyên	5.2	5.0	Đạt	
36	CNTT45	Tổng Văn	Huy	06/10/1996	Hiệp Hòa - Bắc Giang	7.2	5.0	Đạt	
37	CNTT46	Hà Thị Ngọc	Huyền	15/8/1998	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	7.7	6.0	Đạt	
38	CNTT47	Nguyễn Thị	Huyền	26/11/1999	Lục Nam - Bắc Giang	5.7	6.0	Đạt	
39	CNTT48	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	21/10/1999	Tân Yên - Bắc Giang	7.7	6.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
40	CNTT49	Bùi Thị	Hương	01/10/1998	Kim Bôi - Hòa Bình	8.2	9.0	Đạt	
41	CNTT50	Trần Thị	Hương	12/9/1999	Việt Yên - Bắc Giang	8.2	8.5	Đạt	
42	CNTT52	Nguyễn Thị	Diễm	05/3/1997	Việt Yên - Bắc Giang	6.7	8.0	Đạt	
43	CNTT53	Nguyễn Việt	Dũng	11/02/1996	Việt Yên - Bắc Giang	6.5	6.5	Đạt	
44	CNTT54	Nguyễn Xuân	Điệp	25/3/1974	Việt Yên - Bắc Giang	6.7	5.5	Đạt	
45	CNTT55	Hà Đức	Hào	10/11/1980	Việt Yên - Bắc Giang	6.7	6.0	Đạt	
46	CNTT56	Nguyễn Văn	Hùng	07/6/1982	Việt Yên - Bắc Giang	6.2	6.5	Đạt	
47	CNTT57	Đặng Duy	Khang	13/8/1996	Hữu Lũng - Lạng Sơn	5.7	5.0	Đạt	
48	CNTT58	Đặng Văn	Khánh	25/8/1997	TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	6.2	6.5	Đạt	
49	CNTT59	Hoàng Thị	Khánh	05/7/1997	Hữu Lũng - Lạng Sơn	8.5	7.7	Đạt	
50	CNTT60	Trương Thị	Khánh	11/12/1998	Hiệp Hòa - Bắc Giang	5.7	5.0	Đạt	
51	CNTT61	Nguyễn Phi	Kiên	01/9/1999	Hiệp Hòa - Bắc Giang	8.0	5.0	Đạt	
52	CNTT62	Phạm Thị Ngọc	Lan	08/9/1995	Gia Viễn - Ninh Bình	6.5	5.0	Đạt	
53	CNTT64	Vi Ngọc	Linh	12/6/1998	Sơn Động - Bắc Giang	7.5	5.0	Đạt	
54	CNTT65	Ngô Thị	Ly	14/01/1997	Tiên Du - Bắc Ninh	8.2	6.0	Đạt	
55	CNTT66	Nguyễn Thị Kim	Mai	21/10/1996	Ba Vì - Hà Nội	5.7	5.0	Đạt	
56	CNTT67	Đặng Thị Thanh	Minh	26/4/1995	Ứng Hòa - Hà Nội	6.7	5.0	Đạt	
57	CNTT71	Nguyễn Văn	Nguyên	03/6/1995	Quế Võ - Bắc Ninh	7.0	5.0	Đạt	
58	CNTT72	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/9/1997	TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	8.0	6.5	Đạt	
59	CNTT73	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	23/9/1998	Hiệp Hòa - Bắc Giang	7.5	6.5	Đạt	
60	CNTT74	Nguyễn Thị	Như	01/02/1997	TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	7.7	6.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
61	CNTT75	Trần	Phi	10/8/1999	Tiên Du - Bắc Ninh	7.0	6.5	Đạt	
62	CNTT76	Nguyễn Văn	Phúc	30/01/1996	Tân Yên - Bắc Giang	5.7	6.5	Đạt	
63	CNTT78	Nguyễn Thị Thu	Phương	25/7/1998	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	7.0	8.0	Đạt	
64	CNTT79	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	12/6/1997	Hiệp Hòa - Bắc Giang	7.5	5.0	Đạt	
65	CNTT80	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	17/01/1997	Lương Sơn - Hòa Bình	6.5	5.0	Đạt	
66	CNTT81	Dương Văn	Thạo	11/7/1994	Tân Yên - Bắc Giang	6.5	5.0	Đạt	
67	CNTT82	Trịnh Xuân	Thịnh	21/9/1999	TP. Thanh Hóa - Thanh Hóa	6.5	5.5	Đạt	
68	CNTT83	Hoàng Minh	Thơ	18/10/1995	Na Hang - Tuyên Quang	7.2	5.0	Đạt	
69	CNTT84	Nguyễn Duy	Thụ	06/3/1998	Lương Tài - Bắc Ninh	5.0	5.0	Đạt	
70	CNTT85	Nguyễn Thị	Thúy	16/8/1997	TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	5.5	5.0	Đạt	
71	CNTT86	Nguyễn Thị	Thúy	17/10/1997	Tân Yên - Bắc Giang	6.0	5.5	Đạt	
72	CNTT87	Dương Văn	Toàn	08/3/1995	Tân Yên - Bắc Giang	5.5	5.0	Đạt	
73	CNTT88	Ngô Quang	Toán	20/7/1999	Gia Lâm - Hà Nội	7.2	5.5	Đạt	
74	CNTT89	Dương Minh	Trọng	22/8/1999	Hiệp Hòa - Bắc Giang	6.0	6.0	Đạt	
75	CNTT91	Nguyễn Thế	Trung	07/3/1996	TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	6.7	5.0	Đạt	
76	CNTT92	Nguyễn Đức	Tuân	26/4/1998	Việt Yên - Bắc Giang	8.2	8.0	Đạt	
77	CNTT94	Hạ Tiến	Tùng	02/12/1997	Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc	6.7	5.5	Đạt	
78	CNTT95	Nguyễn Văn	Tùng	05/6/1996	Tân Yên - Bắc Giang	6.5	5.0	Đạt	
79	CNTT96	Trần Thị Thu	Uyên	07/10/1998	Sơn Động - Bắc Giang	6.2	5.0	Đạt	
80	CNTT97	Đinh Hồng	Vân	12/4/1998	Đông Anh - Hà Nội	7.7	5.0	Đạt	
81	CNTT98	Lê Đình	Việt	03/01/1997	Thuận Thành - Bắc Ninh	5.7	5.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
82	CNTT100	Hà Văn	Vĩnh	25/12/1998	Phú Bình - Thái Nguyên	6.5	6.5	Đạt	
83	CNTT101	Đỗ Văn	Vũ	26/3/1997	Mỹ Đức - Hà Nội	7.7	5.5	Đạt	
84	CNTT102	Nguyễn Kim	Vương	06/9/1996	Gia Bình - Bắc Ninh	8.0	6.0	Đạt	
85	CNTT103	Nguyễn Ngọc	Anh	05/9/1988	Lục Nam - Bắc Giang	6.0	5.0	Đạt	
86	CNTT104	Nguyễn Thị	Bình	05/8/1968	Việt Yên - Bắc Giang	6.0	5.0	Đạt	
87	CNTT105	Du Văn	Cảnh	24/6/1992	Lạng Giang - Bắc Giang	7.2	6.0	Đạt	
88	CNTT106	Thân Văn	Châu	22/12/1993	Lục Ngạn - Bắc Giang	7.2	6.0	Đạt	
89	CNTT108	Lê Văn	Đan	01/5/1985	Yên Dũng - Bắc Giang	8.2	6.5	Đạt	
90	CNTT109	Tổng Văn	Độ	16/6/1991	Lục Ngạn - Bắc Giang	7.2	6.0	Đạt	
91	CNTT110	Hoàng Văn	Đông	03/02/1983	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	7.5	7.0	Đạt	
92	CNTT111	Phạm Văn	Hạnh	10/3/1986	Yên Dũng - Bắc Giang	6.7	7.0	Đạt	
93	CNTT112	Nguyễn Thị	Hằng	14/3/1987	Yên Thế - Bắc Giang	7.5	5.0	Đạt	
94	CNTT113	Vũ Thị	Hằng	21/7/1994	Yên Thế - Bắc Giang	6.0	7.0	Đạt	
95	CNTT114	Giáp Thu	Hiền	23/01/1984	Tân Yên - Bắc Giang	6.0	6.5	Đạt	
96	CNTT115	Lý Thị	Hòa	26/6/1991	Yên Thế - Bắc Giang	6.2	7.0	Đạt	
97	CNTT116	Nguyễn Thị	Hòa	27/12/1989	Yên Thế - Bắc Giang	7.0	7.5	Đạt	
98	CNTT117	Đồng Thu	Hoàn	30/7/1980	Hiệp Hòa - Bắc Giang	6.2	7.0	Đạt	
99	CNTT118	Ngô Thế	Hung	02/6/1990	Lục Nam - Bắc Giang	7.2	7.5	Đạt	
100	CNTT119	Nguyễn Thị	Hương	20/10/1989	Yên Dũng - Bắc Giang	6.0	5.5	Đạt	
101	CNTT121	Tạ Thị Thúy	Lan	18/11/1977	Việt Yên - Bắc Giang	6.2	6.5	Đạt	
102	CNTT124	Đỗ Thị	Loan	06/6/1982	Yên Thế - Bắc Giang	6.7	5.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
103	CNTT125	Vũ Thị	Ly	12/9/1989	Lạng Giang - Bắc Giang	8.0	5.5	Đạt	
104	CNTT126	Hồ Hải	Lý	01/6/1986	Quỳnh Lưu - Nghệ An	8.7	7.0	Đạt	
105	CNTT127	Lý Thị	Mai	26/4/1991	Yên Thế - Bắc Giang	8.7	6.5	Đạt	
106	CNTT128	Nguyễn Thị	Mến	09/11/1991	Yên Dũng - Bắc Giang	7.5	5.5	Đạt	
107	CNTT129	Lâm Văn	Mỗi	04/4/1969	Lục Ngạn - Bắc Giang	6.0	5.5	Đạt	
108	CNTT130	Nguyễn Thị Hồng	Mới	16/11/1977	Yên Thế - Bắc Giang	6.0	7.5	Đạt	
109	CNTT131	Dương Thị Quỳnh	Nga	13/5/1987	Yên Thế - Bắc Giang	6.7	5.5	Đạt	
110	CNTT132	Hoàng Thị Thanh	Nga	15/4/1984	Yên Thế - Bắc Giang	6.2	6.5	Đạt	
111	CNTT133A	Phạm Thị	Liên	01/01/1974	Yên Thế - Bắc Giang	7.5	5.5	Đạt	
112	CNTT133B	Nguyễn Quốc	Long	01/9/1978	Lục Nam - Bắc Giang	6.2	6.0	Đạt	
113	CNTT134	Đào Thị	Oanh	03/11/1984	Yên Thế - Bắc Giang	6.4	5.5	Đạt	
114	CNTT135	Hoàng Thị	Phượng	17/8/1983	Việt Yên - Bắc Giang	6.2	6.0	Đạt	
115	CNTT136	Đặng Sĩ	Quang	07/5/1990	Yên Dũng - Bắc Giang	7.5	6.5	Đạt	
116	CNTT137	Nguyễn Thị	Sáng	10/6/1983	Bình Xuyên - Vĩnh Phúc	7.0	5.0	Đạt	
117	CNTT138	Đặng Hồng	Son	19/3/1993	Lục Ngạn - Bắc Giang	6.5	6.5	Đạt	
118	CNTT139	Trương Văn	Tâm	07/5/1988	Lục Ngạn - Bắc Giang	6.5	5.0	Đạt	
119	CNTT140	Nguyễn Văn	Tân	30/9/1992	Lục Nam - Bắc Giang	7.0	5.5	Đạt	
120	CNTT141	Hoàng Văn	Thanh	22/6/1969	Lục Ngạn - Bắc Giang	7.0	6.5	Đạt	
121	CNTT142	Nguyễn Đức	Thiên	23/01/1993	Việt Yên - Bắc Giang	6.4	6.0	Đạt	
122	CNTT143	Đoàn Thị	Tinh	10/02/1974	Yên Thế - Bắc Giang	6.2	5.5	Đạt	
123	CNTT144	Dương Văn	Thu	10/4/1974	Yên Dũng - Bắc Giang	6.5	6.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
124	CNTT145	Dương Văn	Thuần	06/4/1976	Yên Dũng - Bắc Giang	7.0	5.0	Đạt	
125	CNTT146	Chu Đại	Thuận	14/6/1989	Lục Ngạn - Bắc Giang	6.5	5.0	Đạt	
126	CNTT147	Nguyễn Thị	Thùy	05/5/1992	Lương Tài - Bắc Ninh	8.0	6.5	Đạt	
127	CNTT148	Nguyễn Thị	Thúy	14/02/1983	Cẩm Khê - Phú Thọ	6.0	6.5	Đạt	
128	CNTT149	Nguyễn Thùy	Trang	04/02/1996	Yên Thế - Bắc Giang	7.2	6.0	Đạt	
129	CNTT150	Thân Ngọc	Trung	22/12/1966	Yên Dũng - Bắc Giang	6.0	5.0	Đạt	
130	CNTT151	Lê Anh	Tuấn	09/6/1982	Tân Yên - Bắc Giang	6.7	5.5	Đạt	
131	CNTT152	Nguyễn Quốc	Tùng	11/10/1990	Lục Nam - Bắc Giang	7.2	5.5	Đạt	
132	CNTT153	Nguyễn Thanh	Tùng	09/10/1993	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	7.2	6.5	Đạt	

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 132./.

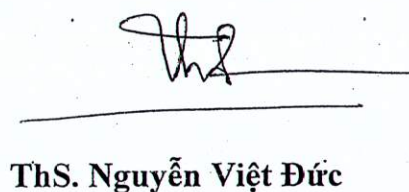
Bắc Giang, ngày 03 tháng 6 năm 2019

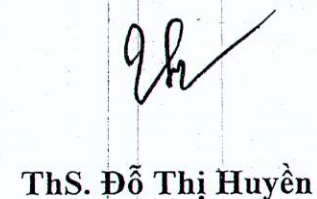
Chủ tịch Hội đồng xét kết quả thi

Thư ký Hội đồng xét kết quả thi

Chủ tịch Hội đồng thi

 TS. Nguyễn Tuấn Điệp

 ThS. Nguyễn Việt Đức

 ThS. Đỗ Thị Huyền